Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 19.09.2019 16:36:13 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 328 /BC-UBND	*Tây Ninh, ngày 18 tháng 9 năm 2019*

BÁO CÁO
Đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược Phát triển dạy nghề thời kỳ 2011-2020

Thực hiện Công văn số 3116/LĐTBXH-TCGDNN ngày 31/7/2019 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc báo cáo thực hiện Chiến lược Phát triển dạy nghề thời kỳ 2011 – 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh báo cáo như sau:

PHẦN 1: BỐI CẢNH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN DẠY NGHỀ THỜI KỲ 2011 – 2020

I. Đánh giá tổng quan về bối cảnh thực hiện nhiệm vụ Phát triển dạy nghề thời kỳ 2011 - 2020

1. Thuận lợi

- Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và sự chỉ đạo, hướng dẫn thường xuyên của Bộ Lao động – Thương binh và xã hội đối với công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.

- Tỉnh xác định đào tạo nguồn nhân lực có tay nghề vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển kinh tế xã hội, đó là nhiệm vụ trọng tâm về chiến lược "nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài" thực hiện chính sách thu hút nguồn lao động có chất lượng, đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất.

- Với vị trí địa lý thuận lợi, Tây Ninh giáp với thành phố Hồ Chí Minh - Trung tâm kinh tế - xã hội lớn nhất của cả nước, tạo điều kiện mở rộng thị trường và hợp tác phát triển kinh tế - xã hội, đó là tiền đề quan trọng cho việc tạo việc làm, xóa đói giảm nghèo và phát triển nguồn nhân lực.

- Tiềm năng du lịch của Tây Ninh là một lợi thế so sánh để phát triển ngành này trở thành một trong những ngành kinh tế mũi nhọn trong tương lai. Đây là cơ hội lớn tạo việc làm, thu hút lao động, thu hút đầu tư phát triển nguồn nhân lực.

- Hệ thống mạng lưới dạy nghề trên địa bàn tỉnh đã góp phần quan trọng trong việc đào tạo nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh.

- Sau cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính thế giới năm 2008-2009, nền kinh tế Việt Nam nói chung và tỉnh Tây Ninh nói riêng có nhiều khởi sắc, xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực được mở rộng mang lại cơ hội cho Tây Ninh tiếp

cận với những thành tựu khoa học – công nghệ tiên tiến, tăng khả năng thu hút các nguồn vốn đầu tư vào lĩnh vực phát triển nhân lực, đáp ứng sự phát triển về kinh tế - xã hội.

- Trong tỉnh, một số nhóm nghề đang có nhu cầu cao về lao động qua đào tạo như: vận hành máy và thiết bị, cơ khí, lắp ráp máy móc, xây dựng, chế biến, lắp ráp thiết bị điện, điện tử, gỗ gia dụng, thế nhưng, các cơ sở đào tạo vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu học nghề của người lao động. Đây là cơ hội để tỉnh mở rộng, nâng cao hoạt động dạy nghề và thu hút lao động có tay nghề cũng như tiến hành công tác đào tạo nghề.

- Qua khảo sát nguồn lao động cho nhu cầu đào tạo là rất lớn, mặc dù tỷ lệ trúng tuyển vào đại học và cao đẳng hàng năm đều tăng, nhưng tỷ lệ này vẫn còn thấp. Như vậy vẫn còn một lực lượng rất đông học sinh không trúng tuyển, đây là cơ hội có thể thu hút học viên cho các trường đào tạo nghề.

2. Khó khăn, thách thức

- Nền kinh tế tuy đã đạt được sự phát triển đáng kể, nhưng vẫn còn ở trình độ thấp, mất cân đối trên nhiều mặt như thiếu vốn đầu tư, sự phát triển kinh tế chưa tương xứng với tiềm năng, thừa lao động phổ thông nhưng lại thiếu lao động kỹ thuật có trình độ cao, thiếu thông tin về cung – cầu lao động…

- Chất lượng nguồn lao động còn thấp, đa số lao động ở nông thôn, trình độ văn hóa thấp, ý thức học tập chưa tốt, tỷ lệ bỏ học còn cao. Mặt khác, thời gian đào tạo nghề ngắn hạn, chủ yếu học lý thuyết, thiếu điều kiện thiết bị để học thực hành. Lực lượng lao động hiện có chưa đáp ứng đủ nhu cầu của xã hội, phải thu hút lao động từ các tỉnh, thành khác.

- Công tác quản lý nhà nước về lao động, việc làm và dạy nghề còn nhiều hạn chế. Sự phối hợp giữa các sở, ngành từ tỉnh đến cơ sở trong giải quyết việc làm và dạy nghề chưa được phát huy, hiệu quả còn thấp.

- Việc thu hút nguồn lực xã hội đầu tư vào lĩnh vực đào tạo nghề còn nhiều hạn chế. Cơ cấu hệ thống giáo dục chưa đồng bộ, thiếu tính liên thông giữa các cấp học và các trình độ đào tạo. Việc phân luồng học sinh còn mất cân đối, thể hiện giữa phân luồng THCS và THPT và học nghề, giữa học nghề và học đại học, cao đẳng.

- Các trang thiết bị đào tạo nghề vừa thiếu, vừa lạc hậu nên không theo kịp với công nghệ mới của doanh nghiệp. Một số cơ sở dạy nghề ngoài công lập đầu tư với quy mô nhỏ, chủ yếu là đào tạo trình độ sơ cấp, dưới 3 tháng với ngành nghề đơn giản nhằm thu hồi vốn nhanh. Đội ngũ giáo viên dạy nghề còn thiếu và chưa đáp ứng yêu cầu đào tạo. Nhiều cơ sở dạy nghề phải đi hợp đồng giáo viên từ các tỉnh, thành khác nên bị động.

- Sự gắn kết giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp chưa được chặt chẽ. Hoạt động đào tạo nghề của tỉnh thời gian qua chủ yếu dựa trên khả năng thực tế của

các cơ sở đào tạo nghề, chưa chú trọng đúng mức tới nhu cầu thực tế của thị trường lao động và doanh nghiệp. Do đó, dẫn đến tình trạng vừa không đủ lao động có tay nghề cung ứng cho doanh nghiệp, vừa có nhiều lao động không tìm được việc làm phù hợp, khi tuyển dụng doanh nghiệp phải tự đào tạo lại.

- Lao động qua đào tạo tuy đã có nhiều chuyển biến tích cực về chất lượng, nhưng cơ cấu chưa hợp lý, nên vẫn tồn tại tình trạng vừa thừa lao động có bằng cấp, thiếu lao động có kỹ thuật; lao động qua đào tạo vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động về chất lượng và số lượng.

II. Đánh giá công tác chỉ đạo, điều hành, triển khai thực hiện nhiệm vụ Phát triển dạy nghề thời kỳ 2011 – 2020

1. Giai đoạn 2011 – 2015

- Các văn bản tỉnh đã ban hành triển khai thực hiện cụ thể như sau:

+ Quyết định số 55/2008/QĐ-UBND ngày 07/7/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy hoạch điều chỉnh mạng lưới dạy nghề tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2008 – 2010 và định hướng đến năm 2020;

+ Quyết định số 12/2011/QĐ-UBND ngày 31/3/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IX về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2011 – 2015;

+ Quyết định số 35/2011/QĐ-UBND ngày 20/9/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Phê duyệt Đề án quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2011 – 2020;

+ Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 15/01/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2011 – 2015 và định hướng đến năm 2020;

+ Quyết định số 36/2013/QĐ-UBND ngày 15/8/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình giải quyết việc làm tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2013 – 2015;

+ Quyết định số 2548/QĐ-UBND ngày 04/11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Chương trình hành động số 46-CTr/TU, ngày 31/12/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW, ngày 06/6/2014 của Ban Bí thư (Khóa XI) "Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đào tạo nhân lực có tay nghề cao" .

- Việc huy động các nguồn lực, vật lực đầu tư cho lĩnh vực phát triển dạy nghề giai đoạn 2011-2015: Ngân sách tỉnh cùng với ngân sách Trung ương thông qua nguồn vốn Dự án *"Đổi mới và phát triển dạy nghề"* thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Việc làm và Dạy nghề đã đầu tư trên 129 tỷ đồng cho các trường trọng điểm và 9 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện để xây mới, sửa chữa nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng – kỹ thuật khá đồng bộ, đáp ứng được nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho địa phương, trong đó:

+ Trường Cao đẳng nghề Tây Ninh được đầu tư: 47,58 tỷ (37 tỷ đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn vốn ngân sách địa phương, 10,58 tỷ đầu tư mua sắm máy móc – trang thiết bị từ nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia nâng cao năng lực đào tạo nghề và ngân sách địa phương hỗ trợ);

+ Trường Trung cấp nghề khu vực Nam Tây Ninh đầu tư: 6,65 tỷ để mua sắm máy móc – trang thiết bị từ nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia nâng cao năng lực đào tạo nghề và thực hiện Đề án 1956;

+ Các Trung tâm giáo dục thường xuyên cấp huyện (sau này gọi là TTGDNN-GDTX) được đầu tư: 7,74 tỷ mua sắm thiết bị từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện Đề án 1956. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy học cho học sinh phổ thông trị giá 67,9 tỷ.

2. Giai đoạn 2016 – 2020

- Các văn bản tỉnh đã ban hành triển khai thực hiện cụ thể như sau:

+ Quyết định số 2024/QĐ-UBND ngày 02/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016 – 2020;

+ Quyết định số 3253/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016 – 2020;

+ Quyết định số 1981/QĐ-UBND ngày 25/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Đề án tổ chức lại Trung tâm giáo dục thường xuyên thành Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên cấp huyện thuộc tỉnh Tây Ninh theo Thông tư liên tịch số 39/2015/TTLT-BLĐTBXH-BGDĐT-BNV ngày 19/10/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ hướng dẫn việc sáp nhập trung tâm dạy nghề, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm kỹ thuật tổng hợp – hướng nghiệp công lập cấp huyện thành Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên;

+ Quyết định số 36/2017/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Chương trình việc làm tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2017-2020.

- Việc huy động các nguồn lực, vật lực đầu tư cho lĩnh vực phát triển dạy nghề giai đoạn 2016 – 2020: Cùng với ngân sách của Trung ương và ngân sách tỉnh đã đầu tư gần 66 tỷ đồng cho các cơ sở Giáo dục nghề nghiệp để sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy nghề, đáp ứng cơ bản nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho địa phương, trong đó:

+ Trường Cao đẳng nghề Tây Ninh được Trung ương đầu tư 3 tỷ đồng mua sắm trang thiết bị đào tạo nghề trọng điểm thực hiện Dự án *"Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp"* thuộc Chương trình mục tiêu giáo dục nghề nghiệp – Việc làm và An toàn lao động;

+ Trung tâm GDNN – GDTX huyện Hòa Thành và Trảng Bàng được Trung ương đầu tư 4 tỷ đồng (mỗi trung tâm 2 tỷ) mua sắm trang thiết bị đào tạo từ Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới;

+ Trung tâm dịch vụ Việc làm Tây Ninh được tỉnh đầu tư trên 700 triệu đồng để cải tạo nhà làm việc và hàng rào vi phạm lộ giới;

+ Trường Trung cấp nghề khu vực Nam Tây Ninh được tỉnh phê duyệt đầu tư trên 4,5 tỷ đồng để cải tạo lại các phòng học;

+ Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật được tỉnh đầu tư gần 340 triệu đồng mua sắm tài sản, trang thiết bị đào tạo;

+ Các Trung tâm GDNN-GDTX cấp huyện đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị đồ dùng dạy học phổ thông trị giá 43,3 tỷ đồng.

PHẦN 2: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN DẠY NGHỀ THỜI KỲ 2011 – 2020

I. Kết quả thực hiện công tác Phát triển dạy nghề theo Quyết định số 630/QĐ-TTg ngày 28/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ

1. Công tác đổi mới quản lý về dạy nghề

- Quy hoạch mạng lưới cơ sở dạy nghề:

Toàn tỉnh hiện có 22 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trong đó: loại hình công lập 16 cơ sở; loại hình tư thục 06 cơ sở, cụ thể:

+ Cơ sở GDNN công lập gồm có: Trường Cao đẳng nghề Tây Ninh, đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp nghề, quy mô đào tạo 1.500 - 2.000 học sinh, sinh viên/ năm; Trường Trung cấp nghề khu vực Nam Tây Ninh, đào tạo trình độ trung cấp, sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 03 tháng, quy mô đào tạo 400 - 500 học sinh/ năm; Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật, đào tạo trình độ trung cấp, sơ cấp và dạy nghề dưới 03 tháng, quy mô đào tạo 400 - 500 học sinh/ năm; Trường Trung cấp Y tế Tây Ninh, đào tạo trình độ trung cấp, sơ cấp, quy mô đào tạo 200 - 300 học sinh/ năm; Trung tâm Dịch vụ việc làm Tây Ninh (đã giao quyền tự chủ tài chính), đào tạo trình độ sơ cấp và dạy nghề dưới 3 tháng, quy mô đào tạo 1.500 – 2.000 học viên/ năm; Trung tâm Khuyến nông tỉnh, tham gia đào tạo nghề dưới 3 tháng cho LĐNT theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ với 4 nghề, quy mô đào tạo từ 150 – 200 học viên/năm; Trung tâm Học tập - Sinh hoạt thanh thiếu nhi Tây Ninh, tham gia đào tạo nghề dưới 3 tháng cho lao động nông thôn với 01 nghề (nấu ăn), quy mô đào tạo từ 30 – 50 học viên/năm; 7/9 Trung tâm GDNN - GDTX các huyện, thành phố, tham gia đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dạy nghề dưới 03 tháng, quy mô đào tạo 250 - 300 học viên/năm/trung tâm. Ngoài ra, Trung tâm GDNN – GDTX huyện Hòa Thành tổ chức đào tạo nghề lái xe hạng B2 và hạng C, bình quân mỗi năm đào tạo từ 400 – 500 học viên.

+ Cơ sở GDNN tư thục gồm có: Trường Trung cấp Tân Bách Khoa, đào tạo trình độ trung cấp, sơ cấp, quy mô đào tạo 200 - 400 học sinh/ năm; Trường Trung cấp Á Châu, đào tạo trình độ trung cấp, sơ cấp và đào tạo nghề dưới 3 tháng, quy mô đào tạo 200 - 400 học sinh/năm; Trung tâm lái xe Thành Đạt, đào tạo nghề lái xe ô tô hạng B2, hạng C và mô tô, quy mô đào tạo 2.000 – 2.500 học viên/ năm; Trung tâm đào tạo lái xe ô tô Tây Ninh, đào tạo tạo nghề lái xe ô tô hạng B2, hạng C, quy mô đào tạo 800 – 1.200 học viên/năm; Công ty cổ phần Doanh nhân, đào tạo trình độ sơ cấp và dạy nghề dưới 3 tháng cho LĐNT, quy mô đào tạo 1.500 - 2.000 học viên/ năm; Công ty cổ phần đầu tư phát triển và giáo dục TPA, đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng cho LĐNT, quy mô đào tạo từ 800 – 1.000 học viên/ năm.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 2414/QĐ-UBND về Đề án sắp xếp các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Dự kiến trong năm 2019 tỉnh sẽ tổ chức sáp nhập trường Trung cấp nghề khu vực Nam Tây Ninh và trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Tây Ninh vào trường Cao đẳng nghề Tây Ninh.

- Công tác khuyến khích xã hội hóa giáo dục nghề nghiệp tại địa phương: Năm 2013, Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quyết định số 192/QĐ-UBND về tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động xã hội hoá trên các lĩnh vực giáo dục đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá và thể dục thể thao tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2013-2015. Ngày 24/6/2016, Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục ban hành Quyết định số 1600/QĐ-UBND kèm theo Đề án đẩy mạnh xã hội hóa trên các lĩnh vực giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, y tế, văn hóa và thể dục thể thao tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016 – 2021. Trên cơ sở đó tỉnh đề ra một số cơ chế, chính sách ưu đãi về thuế, đất đai, tín dụng để thu hút các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân có tiềm lực kinh tế đầu tư vào lĩnh vực đào tạo nghề. Đến nay tỉnh đã thu hút được một số doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực này, như: Trường Trung cấp Tân Bách Khoa, trường Trung cấp Á Châu, trung tâm dạy nghề lái xe Thành Đạt, trung tâm đào tạo lái xe ô tô Tây Ninh, Công ty cổ phần Doanh Nhân, Công ty cổ phần đầu tư phát triển và giáo dục TPA… Sự ra đời của các cơ sở GDNN tư thục đã góp phần đa dạng hóa các hình thức đào tạo, giúp cho người học có thêm nhiều sự lựa chọn ngành/nghề phù hợp với khả năng và điều kiện kinh tế gia đình, cùng với nhà nước đào tạo nguồn nhân lực cho địa phương, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Về cơ chế, chính sách đào tạo nghề, hỗ trợ người học nghề: Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 73/2016/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 về việc quy

định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ học kỳ II năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Công văn số 1448/UBND-KGVX về việc hỗ trợ chi phí đào tạo cho thanh niên hoàn thành NVQS, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội từ năm 2017 trở về trước; Quyết định số 1698/QĐ-UBND ngày 24/8/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định định mức chi phí đào tạo nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn; Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 15/5/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bổ sung định mức chi phí đào tạo nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn tỉnh Tây Ninh; Quyết định số 80/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh tăng hỗ trợ tiền ăn cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015-2020; Quyết định số 1516/QĐ-UBND ngày 15/6/2016 Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Phê duyệt danh mục nghề và định mức chi phí đào tạo nghề cho người khuyết tật và lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh năm 2016.

2. Phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý dạy nghề

Trong những năm qua tỉnh luôn tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ giáo viên, giảng viên đang công tác trong các cơ sở GDNN công lập tham gia các lớp đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ ở trong nước và nước ngoài về các chuyên ngành đang giảng dạy. Bên cạnh đó, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn cũng tạo điều kiện cho đội ngũ giáo viên, giảng viên tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng sư phạm, tin học, ngoại ngữ; thường xuyên rà soát, chọn cử cán bộ quản lý tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, các lớp tập huấn do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội tổ chức để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đảm bảo năng lực quản lý.

- Đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập: Về tổ chức bộ máy quản lý cấp phòng, khoa, phụ trách bộ môn thuộc các trường, trung tâm được sắp xếp, bố trí đủ biên chế, hoạt động ổn định; cán bộ quản lý cấp trường (BGH) hiện nay đối với trường Cao đẳng nghề 3/3 người, trường Trung cấp nghề khu vực Nam Tây Ninh 3/3 người, trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật 1/3 người (khuyết 02 người do nghỉ hưu theo chế độ), trường Trung cấp Y tế Tây Ninh 1/3 người (khuyết 02 người, trong đó 01 trường hợp bổ nhiệm lại nhưng chưa đủ chuẩn theo quy định, 01 người do nghỉ hưu theo chế độ), trung tâm Dịch vụ việc làm Tây Ninh (BGĐ) 2/2 người, trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên Hòa Thành 2/3 người (còn khuyết 01 PGĐ do chuyển công tác).

- Đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục: Về tổ chức bộ máy quản lý cấp phòng, khoa thuộc các cơ sở đào tạo và thành phần Ban Giám hiệu, BGĐ, HĐQT cơ bản đảm bảo theo quy định. Hiện nay, Hội đồng quản trị và Ban Giám hiệu trường Trung cấp Tân Bách Khoa 3/3 người, trường Trung cấp Á Châu 3/3

người, trung tâm đào tạo lái xe Thành Đạt (BGĐ) 1/1 người, trung tâm đào tạo lái xe ô tô Tây Ninh (BGĐ 1/1 người và HĐQT 3/3 người).

- Tổng số cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên, nhân viên làm việc ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngày càng phát triển mạnh cả về số lượng và chất lượng. Tính đến tháng 12/9/2019, toàn hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp của tỉnh có 557 người, trong đó trình độ tiến sỹ 06 người, thạc sỹ và tương đương 166 người, đại học 226 người, trình độ khác 159 người. Về cơ bản đội ngũ giảng viên, giáo viên, cán bộ quản lý thuộc các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đều đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ và kỹ năng sư phạm. Hàng năm, các trường trung cấp, cao đẳng đều tổ chức hội giảng cho giáo viên dạy nghề, hội thi thiết bị dạy nghề và hội thi tay nghề cho giảng viên, giáo viên vòng trường, hội thi tay nghề cấp tỉnh cho học sinh, sinh viên.

3. Phát triển chương trình, giáo trình

- Về chương trình: Từ năm 2017 trở về trước các trường trung cấp nghề, cao đẳng nghề thực hiện theo chương trình khung do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành; riêng phần tự chọn các trường căn cứ vào nhu cầu tuyển dụng để điều chỉnh cho phù hợp. Đối với các trường trung cấp Y tế Tây Ninh, trường trung cấp Tân Bách Khoa thực hiện chương trình khung theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo. Từ năm 2017 đến nay các trường thực hiện theo Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 03 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Trên cơ sở đó các trường tổ chức biên soạn lại chương trình khung cho phù hợp, đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp. Đối với trường Cao đẳng nghề mỗi năm thực hiện đánh giá lại 1/3 tổng số chương trình đào tạo trong nhà trường, cập nhật chương trình theo hướng nghề nghiệp - ứng dụng, khảo sát yêu cầu sử dụng lao động của cộng đồng - xã hội, nghiên cứu các chương trình đào tạo của nước ngoài để bổ sung các nội dung kiến thức, kỹ năng cốt lõi vào các chương trình đào tạo.

Đối với Trung tâm dạy nghề lái xe Thành Đạt, Trung tâm dịch vụ Việc làm, Trung tâm GDNN-GDTX Hòa Thành và Trung tâm đào tạo lái xe ô tô Tây Ninh thực hiện chương trình đào tạo theo quy định tại Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ. Đối với chương trình đào tạo sơ cấp, dạy nghề dưới 3 tháng cho lao động nông thôn giai đoạn 2010-2015 chủ yếu dựa trên bộ chương trình, giáo trình đã thực hiện theo Quyết định số 81/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Các cơ sở dạy nghề đã xây dựng, tự biên soạn, ban hành chương trình để dạy nghề cho phù hợp với địa phương. Từ năm 2016 đến nay, chương trình đào

tạo nghề trình độ sơ cấp thực hiện theo Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; đào tạo thường xuyên thực hiện theo Thông tư số 43/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Chất lượng chương trình, giáo trình dạy nghề đảm bảo khối lượng kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành, phù hợp với người học, được áp dụng cho nhiều đối tượng, nhiều trình độ khác nhau, đảm bảo thời gian đào tạo, trong đó chủ yếu tập trung vào kỹ năng thực hành để người học sau khi học xong có thể ứng dụng vào thực tế.

- Về giáo trình: Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp hiện chưa đủ năng lực biên soạn giáo trình mà căn cứ vào chương trình chi tiết, giáo viên bộ môn tham khảo các giáo trình của các trường trung cấp, cao đẳng lưu hành nội bộ cùng với các Nhà xuất bản lao động, Nhà xuất bản giáo dục để soạn giáo án giảng dạy.

4. Tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị dạy nghề

- *Trường Cao đẳng nghề Tây Ninh:* Tổng diện tích đất sử dụng là 20.330,26 m^2, diện tích đất xây dựng là 10.840 m^2 . Các phòng học thực hành, phòng học lý thuyết, hội trường, các trang thiết bị đào tạo được trang bị khá đầy đủ, đáp ứng nhu cầu dạy và học.

- *Trường Trung cấp nghề khu vực Nam Tây Ninh*: Tổng diện tích sử dụng 11.118,5 m2, diện tích đất xây dựng 1.090 m2. Các phóng học lý thuyết, xưởng thực hành, phòng làm việc đảm bảo; các trang thiết bị đào tạo cơ bản đáp ứng được yêu cầu dạy và học.

- *Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Tây Ninh:* Diện tích sử dụng 50.000 m2, diện tích xây dựng 3.456 m2, bao gồm: Khối hành chính diện tích xây dựng: 1.354 m2, khối phòng học lý thuyết 20 phòng, diện tích 960 m2; giảng đường 500 chỗ ngồi, diện tích 1.142 m2.

- *Trường Trung cấp Y tế Tây Ninh:* Tổng diện tích xây dựng 2.068 m2, bao gồm: Hội trường, giảng đường, phòng học, thư viện, phòng thí nghiệm, xưởng thực tập – thực hành.

- *Trường trung cấp Tân bách Khoa:* Tổng diện tích đất sử dụng 5.600 m2; diện tích xây dựng 4.160m2, trong đó: khu hành chính 600 m2; các phòng học lý thuyết 1.800 m2; phòng thí nghiệm thực hành 1.200 m2.

- *Trường Trung cấp Á Châu:* Tổng diện tích sử dụng 2.270 m2, trong đó diện tích xây dựng 1.500 m2 bao gồm: khu hiệu bộ, khu hội trường, khu học tập, thư viện.

- *Trung tâm dịch vụ việc làm Tây Ninh:* Trung tâm có 01 sân tập lái với diện tích 16.569m2. Tổng số ô tô tập lái 34 chiếc *(31 xe chính chủ, 03 chiếc hợp đồng),* trong đó: xe tập lái hạng B2 là 25 chiếc, hạng C 05 chiếc, hạng D 01 chiếc, hạng E 01 chiếc, tất cả đảm bảo điều kiện chất lượng kỹ thuật.

- *Trung tâm lái xe Thành Đạt:* Có 2 sân tập lái diện tích 23.000m2, 08 phòng học chuyên môn để phục vụ cho công tác đào tạo lái xe và 70 xe ô tô để phục vụ công tác đào tạo và sát hạch (46 xe ô tô hạng B2 và 24 xe hạng C).

- *Trung tâm đào tạo lái xe ô tô Tây Ninh:* Diện tích đất sử dụng 37.113 m2, đất xây dựng 24.000 m2, sân tập lái 12.000 m2, đất không lưu 13.113 m2. Các phòng học thực hành, lý thuyết, khu hiệu bộ đảm bảo diện tích sử dụng; trang bị 35 xe phục vụ đào tạo nghề lái xe hạng B2 và hạng C.

- *Công ty cổ phần Doanh Nhân:* Trụ sở làm việc đặt tại Văn phòng Tỉnh đoàn. Đăng ký đào tạo nghề trình độ dưới 3 tháng, chủ yếu tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Đề án 1956.

- *Công ty cổ phần đầu tư phát triển và giáo dục TPA:* Diện tích xây dựng trên 500 m2, hợp đồng thuê mướn mặt bằng mở các lớp đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng.

- *Trung tâm GDNN - GDTX các huyện, thành phố:* Được tỉnh đầu tư cải tạo, xây mới 7/9 trung tâm, cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo tương đối đảm bảo. Tuy nhiên, hiện nay các trung tâm sau khi sáp nhập, chức năng dạy nghề trình độ sơ cấp không thực hiện được, do không bố trí được giáo viên dạy nghề. Riêng Trung tâm GDNN-GDTX huyện Hòa Thành, diện tích sử dụng 14.150,8 m2 (gồm 8 phòng làm việc, phòng dạy lý thuyết, xưởng thực hành), phục vụ giảng dạy lái xe hạng B2 và hạng C đảm bảo điều kiện theo quy định.

5. Kiểm soát đảm bảo chất lượng dạy nghề

5.1. Kiểm định chất lượng dạy nghề

Các cơ sở GDNN, cơ sở hoạt động GDNN thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo Thông tư số 42/2011/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội; từ năm 2018 đến nay thực hiện kiểm định chất lượng dạy nghề theo Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp và Thông tư số 15/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp do Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành (chu kỳ 01 năm/lần). Đối với các trường Trung cấp chuyên nghiệp từ năm 2017 trở về trước thực hiện kiểm định chất lượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (chu kỳ 05 năm/ lần, 03 năm/lần).

5.2. Đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia

Hiện nay tỉnh không có trung tâm đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho người lao động. Tuy vậy, hàng năm các cơ sở GDNN, cơ sở hoạt động GDNN đều tạo điều kiện cho đội ngũ giáo viên, giảng viên tham gia dự thi để đủ điều kiện cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia; ngoài ra, các doanh nghiệp cũng tạo điều kiện cho người lao động đáp ứng được yêu cầu về trình độ kỹ năng nghề có thể tham gia ôn và thi tại trường Đại học sư phạm Kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh và trường Đại học SPKT Vĩnh Long để được cấp chứng chỉ kỹ năng nghề.

Hàng năm, UBND tỉnh chỉ đạo và giao Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thành lập đoàn thanh tra, kiểm tra, giám sát các cơ sở giáo dục nghề nghiệp về việc thực hiện chính sách pháp luật về giáo dục nghề nghiệp. Các nội dung thanh

tra, kiểm tra, giám sát bao gồm: Công tác tuyển sinh, tổ chức đào tạo, thi, kiểm tra, công nhận tốt nghiệp, quản lý, cấp phát văn bằng, chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp. Tuyển sinh đối tượng là học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở học tiếp các ngành, nghề trình độ trung cấp; việc thực hiện chính sách miễn, giảm học phí cho đối tượng này. Các điều kiện về thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp; các điều kiện bảo đảm chất lượng trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp khi được Sở Lao động – Thương binh và Xã hội cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Việc tổ chức đào tạo liên thông, liên kết đào tạo, đặt lớp đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, hình thức và địa điểm đào tạo. Ngoài ra, Ban Văn hóa Xã hội Hội đồng Nhân dân tỉnh cũng tổ chức giám sát hoạt động dạy nghề của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh. Qua thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đoàn đã có báo cáo đánh giá và yêu cầu các cơ sở giáo dục nghề nghiệp kịp thời chấn chỉnh những hạn chế, thiếu sót; đồng thời bổ sung, hoàn thiện hồ sơ sổ sách, các điều kiện đầu tư đảm bảo về cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo phục vụ nhu cầu dạy và học. Qua thanh tra, kiểm tra chưa phát hiện cơ sở đào tạo nào vi phạm pháp luật phải đến mức xử lý kỷ luật.

6. Gắn kết dạy nghề với thị trường lao động và doanh nghiệp

Quá trình đào tạo của các cơ sở GDNN là sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành nghề nghiệp, giữa cơ sở đào tạo với thực tiễn sản xuất. Các cơ sở GDNN đã sử dụng các cơ sở vật chất, kỹ thuật hiện có đồng thời kết hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất - dịch vụ, hợp tác xã để học sinh, sinh viên có điều kiện rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp từ thực tiễn. Trong những năm qua các cơ sở GDNN phối hợp với các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh hợp tác đào tạo và tuyển dụng lao động sau khi học sinh, sinh viên tốt nghiệp. Trên cơ sở đó, các cơ sở GDNN đồng hành cùng doanh nghiệp bổ sung, điều chỉnh nội dung, chương trình và phương pháp đào tạo gắn với thực tiễn sản xuất, kinh doanh. Các cơ sở đào tạo thường xuyên giữ mối liên hệ với các Doanh nghiệp và các Công ty trong và ngoài Khu công nghiệp gửi học sinh đến thực tập thời gian 02 tháng/khóa trước khi học sinh tham gia kỳ thi tốt nghiệp. Năm 2019, lần đầu tiên trường trung cấp nghề khu vực Nam Tây Ninh thực hiện chủ trương gắn với doanh nghiệp để đào tạo học sinh, bước đầu nhà trường đã ký hợp đồng với Công ty Giấy Trường Giang (KCN Trảng Bàng) và Công ty Huynh Đệ Anh Khoa (Khu công ngiệp Tân Phú Trung – Củ Chi) gửi học sinh nghề Cắt gọt kim loại đến học tập tại Công ty trong thời gian khoảng 04 tháng, và được Công ty hỗ trợ cho học sinh 01 bữa cơm trưa + 150.000đ/ngày thực học. Cuối khóa học, nhà trường tổ chức Ngày hội việc làm, mời các cơ quan, doanh nghiệp đến phỏng vấn tuyển dụng học sinh sau khi tốt nghiệp. Kết quả thời gian qua được nhiều doanh nghiệp quan tâm đến các trường tuyển dụng, đáp ứng nhu cầu việc làm của học sinh sau khi tốt nghiệp.

7. Công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức về dạy nghề

Những năm qua UBND tỉnh chỉ đạo Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tổ chức các Hội nghị tọa đàm, hội thảo về GDNN để bàn về giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyển sinh, tổ chức đào tạo, giải quyết việc làm sau khi tốt nghiệp, mời đại diện lãnh đạo các sở, ban, ngành đoàn thể, các địa phương, cơ sở GDNN, doanh nghiệp, phóng viên báo, đài của tỉnh tham dự. Đồng thời tổ chức biên soạn tài liệu mô tả 50 ngành nghề, trình độ đào tạo từ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và dưới 3 tháng, giới thiệu địa chỉ cụ thể của các cơ sở GDNN, cơ sở hoạt động GDNN cung cấp cho cơ quan, đơn vị, địa phương để tuyên truyền rộng rãi cho người dân biết, lựa chọn cơ sở và ngành nghề đào tạo đăng ký tham gia học nghề.

Các cơ sở GDNN luôn quan tâm, cập nhật thường xuyên về thông tin tuyển sinh, tổ chức đào tạo, thông báo trên website của trường cao đẳng nghề, các trường trung cấp; đồng thời cử cán bộ, giáo viên đến trực tiếp các trường THPT, THCS, trung tâm GDNN- GDTX các huyện, thành phố hoặc gửi đến các cơ quan, doanh nghiệp, địa phương, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Tây Ninh tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân. Bên cạnh đó, thông qua các hoạt động ngoại khóa, chiến dịch HSSV tình nguyện, dạy nghề tại các địa phương, các lớp tập huấn tổ chức tại trường v.v… góp phần giới thiệu thêm về tuyển sinh và các hoạt động của trường. Hàng năm, các cơ sở GDNN phối hợp với BGH các Trường THCS trên địa bàn thực hiện tư vấn, hướng nghiệp nhằm làm tốt công tác phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS vào học nghề.

Đối với đào tạo nghề lao động nông thôn, hàng năm giao Sở Lao động – Thương binh và Xã hội - Thường trực Ban Chỉ đạo 1956 tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ngành đoàn thể, địa phương tổ chức tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về vai trò, vị trí của đào tạo nghề cho lao động nông thôn đối với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tổ chức tuyên truyền trực tiếp thông qua các buổi khai giảng, bế giảng, kiểm tra cuối khóa lớp học được 2.962 cuộc, có khoảng 120.468 lượt người tham dự; tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh huyện, trạm truyền thanh xã, thị trấn và các cụm truyền thanh ấp, khu phố được 1.456 cuộc, thời lượng trên 9.000 phút.

Hội Nông dân tỉnh phối hợp với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, các cơ quan, đơn vị, đoàn thể từ cấp tỉnh, huyện, thành phố đến cấp xã thực hiện công tác tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên tham gia học nghề, nhất là lao động thuộc hộ nghèo, hộ chính sách, hộ dân tộc thiểu số, người tàn tật, người bị thu hồi đất canh tác, bằng nhiều hình thức tuyên truyền đa dạng, phong phú. Tổ chức 40 lớp tập huấn cho cán bộ hội, đoàn thể về công tác tuyên truyền; in 25.450 cuốn Cẩm nang nông dân học nghề, 1.000 cuốn Sổ tay đào tạo nghề, 7.000 tờ rơi tuyên truyền đào tạo nghề cho nông dân cấp phát cho cán bộ, hội viên, nông dân và các

ngành liên quan. Phối hợp với Báo Tây Ninh thực hiện 5 phụ trương, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh thực hiện 04 phóng sự tuyên truyền về đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Qua công tác tuyên truyền giúp cho các tầng lớp nhân dân nhận thức đúng về vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của đào tạo nghề nói chung, dạy nghề lao động nông thôn nói riêng; đặc biệt với sự nỗ lực không ngừng của các cơ quan, đơn vị, địa phương, các cơ sở GDNN trong công tác truyền thông về GDNN đã góp phần làm thay đổi quan niệm về học nghề của số đông phụ huynh và các em học sinh trong tình hình hiện nay.

II. Những thuận lợi, hạn chế và nguyên nhân trong việc thực hiện công tác Phát triển dạy nghề

1. Thuận lợi

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực GDNN đã được Quốc hội, Chính phủ, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội xây dựng, ban hành khá toàn diện, tạo hành lang pháp lý để các địa phương thực thi quản lý nhà nước trên lĩnh vực này ngày càng chặt chẽ, hiệu quả; đồng thời giúp các cơ sở GDNN, cơ sở hoạt động GDNN căn cứ tổ chức thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Năm 2014, Quốc hội khóa XIII ban hành Luật Giáo dục nghề nghiệp thay thế Luật Dạy nghề năm 2006 và chính thức có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2015; Chính phủ ban hành Nghị định số 48/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2015 quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp, Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Giáo dục nghề nghiệp và một số nghị định khác có liên quan lĩnh vực GDNN; Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành nhiều Thông tư mới quy định, hướng dẫn thực hiện các Nghị định của Chính phủ về lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

- Các chính sách của Trung ương cùng với địa phương hỗ trợ trực tiếp cho học sinh, sinh viên và người lao động về học nghề đã mang lại hiệu quả tích cực như: chính sách miễn giảm học phí theo Nghị định số 86/2015 của Chính phủ; chính sách đào tạo nghề cho thanh niên hoàn thành NVQS, nghĩa vụ công an được quy định tại Thông tư số 43/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội; Chính sách dạy nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ …tạo điều kiện cho con em thuộc đối tượng chính sách, người dân tộc thiểu số, hộ nghèo, hộ cận nghèo, người khuyết tật, lao động ở nông thôn được học nghề, có việc làm, từng bước ổn định cuộc sống.

- Công tác xã hội hóa về giáo dục nghề nghiệp thời gian qua đã thu hút các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân đầu tư vào lĩnh vực này, góp phần đa dạng hóa các hình thức đào tạo, đáp ứng nhu cầu học nghề của người dân.

2. Khó khăn

- Một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập được đầu tư xây dựng từ lâu nay đã xuống cấp, các phòng học tích hợp giữa lý thuyết và thực hành chưa đảm bảo yêu cầu; đội ngũ giáo viên còn thiếu so với việc đáp ứng yêu cầu đào tạo lại, đặt hàng đào tạo nghề theo yêu cầu của doanh nghiệp; một số trang thiết bị đào tạo đã cũ và lạc hậu chưa được thay thế. Công tác đào tạo nghề chưa đáp ứng đủ theo nhu cầu thực tế, nhất là các ngành, nghề đòi hỏi kỹ thuật cao.

- Chưa có cơ chế, chính sách cụ thể để doanh nghiệp phối hợp với các đơn vị dạy nghề trong hỗ trợ đào tạo nghề, đào tạo lại, xây dựng hoặc điều chỉnh chương trình đào tạo, hỗ trợ học sinh thực hành thực tập tại doanh nghiệp.

- Công tác phân luồng học sinh tốt nghiệp THCS vào học GDNN còn nhiều khó khăn, dẫn đến tình hình tuyển sinh bậc trung cấp những năm qua không đạt chỉ tiêu, nhất là các trường ngoài công lập.

3. Nguyên nhân

- Mặc dù những năm qua được Trung ương hỗ trợ kinh phí từ các chương trình, dự án đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị đào tạo cho các cơ sở GDNN công lập đến nay đã hư hỏng và xuống cấp; tỉnh cũng quan tâm đầu tư từ ngân sách cho các cơ sở GDNN nhưng do ngân sách địa phương còn khó khăn chưa kịp cải tạo, sửa chữa lớn.

- Công tác phân luồng học sinh tốt nghiệp THCS, THPT vào học GDNN những năm qua đạt tỷ lệ thấp, nguyên nhân do các sở, ban, ngành từ tỉnh đến cơ sở và các cơ sở GDNN chưa làm tốt công tác phối hợp, thực hiện công tác tuyên truyền chưa đi vào chiều sâu. Đặc biệt là những năm qua Bộ Giáo dục và Đào tạo thay đổi phương thức tuyển sinh tạo điều kiện cho các trường cao đẳng, đại học thu hút hết nguồn tuyển sinh.

- Các doanh nghiệp không mặn mà với các cơ sở GDNN trong công tác tuyển sinh, đặt hàng đào tạo, giải quyết việc làm, tham gia xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo, do hiện nay chưa có văn bản pháp lý nào ràng buộc trách nhiệm của doanh nghiệp.

III. Đánh giá chung

1. Mặt làm được

- Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương, doanh nghiệp trên địa bàn triển khai thực hiện Quyết định số 630/QĐ-TTg ngày 29/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chiến lược phát triển dạy nghề thời kỳ 2011-2020" gắn với thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

- Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành đầy đủ các văn bản thực hiện về phát triển giáo dục nghề nghiệp như: Đề án quy hoạch phát triển nguồn nhân lực tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2011-2020; Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2011 – 2015 và định hướng đến năm 2020; kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2016 – 2020.

- Xây dựng Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đáp ứng nhu cầu học nghề đa dạng của người lao động; thực hiện có hiệu quả chính sách xã hội hóa về giáo dục nghề nghiệp, đã thu hút được nhiều doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực này.

- Hoạt động của các cơ sở GDNN không ngừng lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng, đội ngũ cán bộ quản lý GDNN và giáo viên đào tạo nghề từng bước được chuẩn hóa về chuyên môn, kỹ năng sư phạm, tin học, ngoại ngữ. Số người được đào tạo nghề năm sau thường cao hơn năm trước, tỷ lệ lao động có việc làm sau đào tạo đạt trên 90%; nguồn lực qua đào tạo cơ bản đáp ứng được nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp, góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 45% năm 2010 lên 66,28% năm 2018.

2. Hạn chế

- Công tác quy hoạch mạng lưới cơ sở dạy nghề giai đoạn 2011-2020 đã được phê duyệt, song mục tiêu đề ra chưa đạt như: nâng cấp trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật và trường Trung cấp Y tế thành trường Cao đẳng; thành lập Trung tâm Dạy nghề khu vực Bắc Tây Ninh.

- Công tác quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp có mặt còn hạn chế, công tác thanh tra, kiểm tra chưa được thường xuyên. Một số cơ sở GDNN sau một thời gian hoạt động phải giải thể do hoạt động không có hiệu quả như: Trung tâm Dạy nghề lái xe Trúc Diệp, Công ty TNHH Thao Hòa Phú, Công ty TNHHMTV Thành Đức.

- Một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp cơ sở vật chất, thiết bị máy móc phục vụ cho công tác đào tạo nghề đã cũ và lạc hậu, chưa đáp ứng nhu cầu dạy và học trong tình hình hiện nay. Công tác tuyển sinh hàng năm của các cơ sở GDNN đối với trình độ trung cấp còn gặp khó khăn, nhất là các trường ngoài công lập. Việc đào tạo nguồn nhân lực của tỉnh về chất lượng còn nhiều hạn chế, đặc biệt là lực lượng lao động có kỹ năng và tay nghề kỹ thuật cao. Công tác phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS, THPT đạt thấp, nhưng chưa có giải pháp hữu hiệu để khắc phục.

3. Nguyên nhân

- Việc nâng cấp trường Trung cấp Y tế và trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật lên Cao đẳng chưa thực hiện được, do thẩm quyền của Bộ lao động – Thương binh và Xã hội (trước đây thuộc Bộ GD&ĐT).

- Chưa thành lập được Trung tâm Dạy nghề khu vực Bắc Tây Ninh là do tỉnh điều chỉnh quy hoạch, vì hiện nay các cơ sở GDNN đào tạo bậc trung cấp cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu học nghề của người lao động.

- Công tác quản lý nhà nước về hoạt động GDNN có lúc chưa được chặt chẽ do cơ quan tham mưu số lượng công chức biên chế ít, trong khi khối lượng công việc ngày càng nhiều.

- Công tác tuyển sinh bậc trung cấp ở một số trường không đạt chỉ tiêu, do công tác phân luồng học sinh THCS và THPT chưa hiệu quả, đa số các bậc phụ huynh không muốn cho con vào học nghề sớm, tâm lý chung là muốn làm thầy chứ không làm thợ.

IV. Bài học kinh nghiệm

- Tranh thủ sự quan tâm hỗ trợ của Trung ương đầu tư kinh phí cho các trường nghề, các trường trung cấp chuyên nghiệp về xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo, nhất là các ngành nghề trọng điểm để địa phương có điều kiện đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp.

- Tỉnh phải thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tạo điều kiện về kinh phí trong khả năng của địa phương đầu tư cho các cơ sở GDNN công lập. Thực hiện tốt chính sách xã hội hóa để thu hút các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có tiềm lực về tài chính đầu tư vào lĩnh vực GDNN, nhất là những ngành nghề kỹ thuật cao mà hiện nay địa phương đang thiếu.

- Tăng cường đổi mới công tác truyền thông về giáo dục nghề nghiệp, thực hiện có hiệu quả công tác phân luồng học sinh tốt nghiệp THCS và THPT vào học giáo dục nghề nghiệp; phải nâng cao nhận thức của nhân dân về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của GDNN đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

PHẦN 3: ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2021- 2030

I. Mục tiêu phát triển Giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 – 2030

Tập trung huy động mọi nguồn lực (nguồn lực trung ương hỗ trợ, nguồn lực của địa phương, nguồn lực xã hội) đầu tư phát triển các trường nghề, các trường trung cấp chuyên nghiệp, các trung tâm giáo dục nghề nghiệp công lập đảm bảo đủ điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo tiến tiến; xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý GDNN có trình độ, năng lực và đội ngũ giáo viên, giảng viên có chuyên môn kỹ thuật cao, kỹ năng sư phạm, ngoại ngữ, tin học đạt chuẩn; xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo phù hợp với sự phát triển của khoa học công nghệ hoặc ứng dụng có hiệu quả chương trình đào tạo nghề của các nước phát triển trong khu vực và thế giới.

II. Nhiệm vụ, giải pháp để phát triển giáo dục nghề nghiệp trong giai đoạn 2021 – 2030

1. Nhiệm vụ

Tiếp tục rà soát quy hoạch mạng lưới dạy nghề phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; sắp xếp sáp nhập các trường công lập đảm bảo tinh gọn đầu mối, nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo nghề. Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng trường Cao đẳng nghề Tây Ninh (sau khi đã sáp nhập) trở thành cơ sở giáo dục nghề nghiệp tiên tiến, hiện đại, hội nhập quốc tế, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh, đất nước; có tác dụng tốt đến phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh, khu vực thích ứng với bước phát triển của ngành, của đất nước.

2. Giải pháp thực hiện

- Đào tạo nhân lực cho nền kinh tế trí thức, tạo cơ hội để người học tự học suốt đời; ứng dụng thành tựu khoa học - công nghệ trong đào tạo; cung ứng các dịch vụ giáo dục tiên tiến, gia tăng khả năng cạnh tranh, đảm bảo sự phát triển nhanh và bền vững của xã hội.

- Xây dựng Trường Cao đẳng nghề Tây Ninh, các Trường Trung cấp chuyên nghiệp vững mạnh toàn diện, nâng cao năng lực bộ máy quản lý các cơ sở GDNN, tạo bước chuyển biến cơ bản về chất lượng giáo dục nghề nghiệp; xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo; thực hiện tốt việc đổi mới mục tiêu, chương trình, phương pháp dạy - học; tăng cường cơ sở vật chất theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa; trở thành cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ có uy tín trong tỉnh và khu vực Đông Nam bộ.

2.1. Về đào tạo

- Chú trọng công tác dự báo, xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch đào tạo từng năm học, khóa học và giai đoạn 2020 - 2030; xây dựng, điều chỉnh các chương trình đào tạo theo hướng hội nhập khu vực và quốc tế trên cơ sở chương trình khung của Bộ Lao động – Thương binh và xã hội, gắn với thực tiễn của tỉnh và khu vực lân cận; chuẩn bị tốt chương trình đào tạo trình độ liên thông, liên kết, đảm bảo tổ chức đào tạo có chất lượng, đáp ứng tốt nhu cầu của xã hội.

- Xác định chiến lược phát triển ngành, nghề, trình độ và qui mô đào tạo; mở các ngành, nghề đào tạo mới, tập trung một số ngành phục vụ các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, khu vực lân cận.

- Tăng cường công tác kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và công tác kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý nhà nước các cấp trong giáo dục nghề nghiệp và đào tạo nhân lực; tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện việc tự kiểm định chất lượng đào tạo và đăng ký kiểm định chất lượng với cơ quan quản lý có thẩm quyền.

- Tiếp tục mở rộng ngành nghề, tăng số lượng và hiệu quả đào tạo theo yêu cầu sử dụng lao động của cả 3 cấp trình độ: cao đẳng nghề, trung cấp nghề và sơ cấp nghề đáp ứng nhu cầu đa dạng của xã hội; trong đó tập trung đào tạo nghề

trình độ cao trong những ngành công nghiệp trọng yếu như: cơ khí, điện tử, công nghệ thông tin và các ngành dịch vụ chất lượng cao, giá trị gia tăng cao như: du lịch, thương mại, tài chính, ngân hàng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.

- Tăng cường phối hợp giữa cơ sở GDNN với các doanh nghiệp tư nhân ký kết hợp đồng đào tạo theo đơn đặt hàng, phối hợp với doanh nghiệp tham gia xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo sát với thực tế, tổ chức cho học sinh, sinh viên, học viên thực hành trên dây chuyền sản xuất; tăng thời gian học thực hành, bồi dưỡng về kỹ năng làm việc nhóm để HSSV khi tốt nghiệp ra trường có thể tự lập và thích ứng ngay với công nghệ mới.

- Đổi mới phương thức quản lý theo hướng tăng cường phân cấp cho các khoa, bộ môn song song với nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý; đổi mới phương pháp dạy - học theo hướng lấy người học làm trung tâm; đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng thiết thực và đảm bảo khách quan, chính xác và công bằng; thực hiện nghiêm túc quy chế tuyển sinh, đào tạo, thi và kiểm tra, đánh giá. Kết hợp đồng bộ nhiều hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp với đặc trưng môn học, ngành học và đối tượng người học, đảm bảo đánh giá khách quan, công bằng, chính xác kiến thức và năng lực nghề nghiệp của HSSV. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng các phương tiện hiện đại trong kiểm tra, đánh giá.

- Đào tạo gắn liền với nhu cầu của xã hội. Giáo dục nghề nghiệp toàn diện cho người học về kiến thức, kỹ năng, thái độ đối với ngành, nghề đào tạo; tăng cường rèn luyện kỹ năng, đạo đức nghề nghiệp cho HSSV; chú trọng kỹ năng giao tiếp, kỹ năng sống và các kiến thức xã hội khác để người học tự tin, chủ động tiếp cận, lựa chọn cơ hội việc làm. Tổ chức khảo sát, lấy ý kiến người học sau tốt nghiệp, nhà tuyển dụng và các doanh nghiệp để tiến hành cải tiến chương trình đào tạo; khảo sát tỷ lệ có việc làm của HSSV sau tốt nghiệp, tiến tới giới thiệu việc làm, ký hợp đồng đào tạo với các cơ sở sử dụng lao động.

2.2. Về nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ và quan hệ quốc tế

- Xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ phù hợp với sứ mạng của nhà trường; hoàn chỉnh chiến lược phát triển khoa học - công nghệ giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030. Nâng cao nhận thức, tạo điều kiện cho cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học tham gia nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ và phát huy sáng kiến. Ưu tiên bồi dưỡng giáo viên, giảng viên có năng lực nghiên cứu khoa học, giúp họ trở thành hạt nhân nòng cốt trong công tác nghiên cứu khoa học ở từng bộ môn. Tổ chức nghiệm thu, đánh giá khoa học, khách quan, chính xác từ cấp cơ sở đến cấp trường đối với các đề tài nghiên cứu.

- Nghiên cứu đổi mới hoạt động quản lý và triển khai thực hiện các đề tài, dự án đảm bảo chất lượng, hiệu quả. Chú trọng triển khai các dự án khoa học - công

nghệ được ứng dụng rộng rãi vào công việc và đời sống; từng bước tự cân đối kinh phí cho các hoạt động khoa học - công nghệ.

- Nâng cấp phòng chuyên môn, xưởng thực hành, phòng thí nghiệm đáp ứng tốt yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, mở rộng ngành nghề đào tạo và tăng cường năng lực hoạt động khoa học - công nghệ của nhà trường; xây dựng, thành lập một số trung tâm nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ.

- Nâng cao số lượng các công trình nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ được đăng trên các tạp chí, ấn phẩm khoa học có uy tín trong tỉnh và Quốc gia. Phát triển và nâng cấp nội san khoa học của nhà trường thành Tạp chí khoa học; hoàn thiện và phát triển hệ thống giáo trình, tài liệu phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ.

- Tích cực hợp tác với các cơ quan quản lý, các doanh nghiệp để triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học - ứng dụng công nghệ có tính khả thi cao trong thực tiễn. Chủ động liên kết với các trường đại học lớn trong nước, có nhiều kinh nghiệm, uy tín về hợp tác quốc tế để tăng cường, mở rộng công tác hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học và ứng dung công nghệ.

- Mở rộng hợp tác nghiên cứu khoa học - công nghệ với các tổ chức nghiên cứu khoa học và các nhà khoa học trong và ngoài nước; xây dựng cơ chế thu hút một số giảng viên có uy tín ở trong nước và nước ngoài vào tham gia hoạt động khoa học và giảng dạy tại các trường có điều kiện. Có kế hoạch để cán bộ, giáo viên, giảng viên đến tham quan, học tập, trao đổi kinh nghiệm và tìm cơ hội phát triển hợp tác tại các trường đại học có uy tín ở trong nước và nước ngoài.

- Kiện toàn đội ngũ cán bộ chuyên trách có phẩm chất và năng lực để thực hiện có hiệu quả công tác quan hệ quốc tế, đặc biệt là kĩ năng xây dựng dự án và chương trình hợp tác. Gắn các chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học; tự chủ một phần và thiết lập các mối liên kết có hiệu quả với đối tác; đẩy mạnh các chương trình giao lưu, trao đổi học tập, tăng cường tham dự các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế; có chính sách đào tạo, bồi dưỡng để tăng số lượng cán bộ, giảng viên có học hàm, học vị cao đáp ứng tốt yêu cầu hợp tác quốc tế.

2.3. Về phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên

- Tiếp tục thực hiện công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên giai đoạn 2020 - 2025 và giai đoạn 2025 - 2030 bảo đảm cả về số lượng, chất lượng, đạt trình độ chuẩn, trẻ hóa, có tính kế thừa bền vững; ưu tiên tuyển dụng bổ sung, đào tạo kịp thời đội ngũ giáo viên, giảng viên có trình độ cao, và kết hợp đào tạo trong nước gắn liền với việc đánh giá giáo viên, giảng viên hàng năm theo quy định; đảm bảo định mức quy định về tỷ lệ học sinh, sinh viên trên giáo viên, giảng viên đối với tất cả các ngành, nghề đào tạo (đến năm 2025 đạt 20 HSSV/giáo viên, giảng viên)

- Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, ngoại ngữ, tin học cho đội ngũ giáo viên, giảng viên, đảm bảo đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ trong từng giai đoạn phát triển.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá hoạt động sư phạm nghề, kỹ năng của giáo viên, giảng viên; chú trọng đổi mới phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá xếp loại nhà giáo.

- Xây dựng đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên đủ số lượng, có năng lực chuyên môn và định kỳ được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ để nâng cao hiệu quả phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học.

2.4. Về cơ sở vật chất

- Lập quy hoạch tổng thể phát triển của từng trường đến năm 2025, tầm nhìn đến 2030; lập dự án đầu tư xây dựng các hạng mục công trình theo quy hoạch với các bước đi thích hợp, có tính khả thi trong từng giai đoạn. Tập trung vào các công trình xây dựng đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, thực hành, thí nghiệm, nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ của cán bộ, viên chức và học sinh, sinh viên.

- Tiếp tục đầu tư trang thiết bị, xây dựng phòng chuyên môn, xưởng thực hành, phòng thí nghiệm theo hướng đồng bộ và hiện đại; bổ sung, phát triển hệ thống giáo trình, tài liệu, báo, tạp chí, sách, báo ...đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học - ứng dụng công nghệ; quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả thư viện; chú trọng xây dựng cơ sở dữ liệu của thư viện điện tử, đáp ứng tốt nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin.

- Đảm bảo diện tích sân chơi, bãi tập, khu thể dục thể thao, hội trường theo quy định; đủ trang thiết bị phục vụ tốt cho các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, các hoạt động tập thể và vui chơi, giải trí lành mạnh.

2.5. Về tài chính

- Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí các nguồn tài chính. Thực hiện tốt quy định về công khai tài chính của Nhà nước.

- Tăng nguồn thu sự nghiệp cho nhà trường thông qua các hoạt động ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ, cung ứng các dịch vụ chất lượng cao theo nhu cầu xã hội, đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục nghề nghiệp. Phấn đấu đến năm 2025 các trường công lập tự chủ về tài chính và tổ chức bộ máy hoạt động.

- Khai thác tối đa cơ sở vật chất, tiềm năng và lợi thế để tăng thu theo đúng quy định của pháp luật để nâng cao đời sống cho cán bộ, giáo viên, giảng viên, nhân viên và phát triển hoạt động của trường. Tìm kiếm nguồn viện trợ, các nguồn vốn đầu tư hợp pháp từ các tổ chức, cá nhân để phát triển nhà trường.

2.6. Về quản lý

- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức theo quy định của Điều lệ trường trung cấp, cao đẳng, cụ thể hóa vào Quy chế về tổ chức và hoạt động của trường. Chuẩn bị các điều kiện chuyển đổi cơ cấu tổ chức nhà trường cho phù hợp với giai đoạn mới,.

- Các bộ phận trực thuộc có cơ cấu hợp lý, được tổ chức, phân cấp theo chức năng, nhiệm vụ phù hợp với yêu cầu của nhà trường và đúng quy định; tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá theo chức năng, nhiệm vụ được giao và theo quy trình thực hiện các công việc được giao.

- Duy trì, cải tiến, nâng cao hiệu lực và hiệu quả của phần mềm quản lý theo tiêu chuẩn trong công tác quản lý, điều hành của nhà trường giai đoạn 2020-2025. Nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, tiếp tục mở rộng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành.

III. Đề xuất, kiến nghị: không có

Trên đây là báo cáo việc thực hiện Chiến lược Phát triển Dạy nghề thời kỳ 2011-2020 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh./.

Nơi nhận:
- Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
- CVP, PCVP Long, Nhung;
- PVHXH;
- Lưu: VT, VP Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh.

Tuấn

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Ngọc



Phụ lục 2

BÁO CÁO THỐNG KÊ SỐ LIỆU LIÊN QUAN ĐẾN ĐÀO TẠO NGHỀ CỦA TỈNH TÂY NINH THỜI KỲ 2011-2020.

STT	Chỉ tiêu	Kết quả đạt được qua các năm									
		2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020
1	**Tổng số trường Cao đẳng**	**01**	**01**	**01**	**01**	**01**	**01**	**01**	**01**	**01**	**01**
	Công lập	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01
	-Trường chất lượng cao công lập										
	Ngoài công lập										
	-Trường chất lượng cao ngoài công lập										
2	**Tổng số trường trung cấp**	**04**	**04**	**04**	**04**	**04**	**04**	**05**	**05**	**05**	**03**
	-Công lập	03	03	03	03	03	03	03	03	03	01
	-Ngoài công lập	01	01	01	01	01	01	02	02	02	02
3	**Tổng số các Trung tâm dạy nghề**	**13**	**14**	**15**	**15**	**15**	**16**	**16**	**16**	**16**	**17**
	Công lập	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12
	-Trung tâm dạy nghề kiểu mẫu công lập										
	Ngoài công lập	01	02	03	03	03	04	04	04	04	05
	-Trung tâm dạy nghề kiểu mẫu ngoài công lập										
5	**Tổng số giáo viên dạy nghề**	**278**	**311**	**321**	**376**	**392**	**399**	**511**	**510**	**557**	**576**
5.1	**Giáo viên cao đẳng**	**0**	**0**	**0**	**0**	**33**	**55**	**55**	**55**	**51**	**51**
*	Giáo viên dạy nghề cao đẳng công lập.	0	0	0	0	33	55	55	55	51	51
	*Trình độ đào tạo										
	Tiến sỹ										

	Thạc sỹ					16	21	29	30	31	43
	Cử nhân(kỹ sư)					17	34	26	25	20	8
	Khác										
	*Trình độ ngoại ngữ										
	C1,C2					4	4	4	4	4	7
	B1,B2					29	51	51	51	47	44
	Cử nhân										
	*Trình độ tin học										
	Trình độ A					25	47	47	47	43	43
	Trình độ B					8	8	8	8	8	8
	Trình độ cử nhân										
*	Giáo viên dạy nghề cao đẳng ngoài công lập.	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5.2	**Giáo viên trung cấp**	**185**	**198**	**208**	**205**	**188**	**171**	**272**	**264**	**277**	**292**
*	Giáo viên dạy nghề trung cấp công lập.	*185*	*198*	*208*	*205*	*188*	*171*	*188*	*180*	*194*	*209*
	*Trình độ đào tạo										
	Tiến sỹ							1	2	3	3
	Thạc sỹ	15	21	22	32	38	50	75	74	96	109
	Cử nhân(kỹ sư)	149	153	162	155	138	111	103	98	91	93
	Khác	21	24	24	18	12	10	9	6	4	4
	*Trình độ ngoại ngữ										
	C1,C2	32	34	34	35	30	30	30	37	37	38
	B1,B2	118	122	130	128	102	93	98	99	95	98
	Cử nhân	5	5	5	5	5	5	3	3	3	3
	*Trình độ tin học										
	Trình độ A	114	119	127	126	103	81	81	70	60	63
	Trình độ B	45	49	48	48	41	41	43	41	28	28
	Trình độ cử nhân	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
*	Giáo viên dạy nghề trung cấp ngoài công lập.	0	0	0	0	0	0	*84*	*84*	*83*	*83*

	*Trình độ đào tạo										
	Tiến sỹ							3	3	3	3
	Thạc sỹ							25	25	35	25
	Cử nhân(kỹ sư)							45	45	45	45
	Khác							1	1		
	*Trình độ ngoại ngữ										
	C1,C2							24	24	24	24
	B1,B2							8	8	8	8
	Cử nhân										
	*Trình độ tin học							48	48	48	47
	Trình độ A							5	5	5	5
	Trình độ B										
	Trình độ cử nhân										
	Trình độ A										
	Trình độ B										
	Trình độ cử nhân										
5.3	**Giáoviên dạy SC nghề và dạy nghề dưới 3 tháng**	**93**	**113**	**113**	**171**	**171**	**173**	**184**	**191**	**229**	**233**
*	Giáoviên dạy SC nghề và dạy nghề dưới 3 tháng công lập	*72*	*72*	*72*	*72*	*72*	*72*	*72*	*72*	*72*	*72*
	*Trình độ đào tạo										
	Tiến sỹ										
	Thạc sỹ										
	Cử nhân(kỹ sư)	42	42	42	42	42	42	42	42	42	42
	Khác	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30
	*Trình độ ngoại ngữ										
	C1,C2										
	B1,B2	46	46	46	46	46	46	46	46	46	46
	Cử nhân										
	*Trình độ tin học										
	Trình độ A	59	59	59	59	59	59	59	59	59	59

	Trình độ B	11	11	11	11	11	11	11	11	11	11
	Trình độ cử nhân	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
*	Giáoviên dạy SC nghề và dạy nghề dưới 3 tháng ngoài công lập	*21*	*41*	*41*	*99*	*99*	*101*	*112*	*119*	*157*	*161*
	*Trình độ đào tạo										
	Tiến sỹ										
	Thạc sỹ				2	2	4	4	4	4	4
	Cử nhân(kỹ sư)	5	15	15	15	15	15	15	18	28	24
	Khác	16	26	26	82	82	82	93	97	125	133
	*Trình độ ngoại ngữ										
	C1,C2										
	B1,B2	5	5	5	5	5	5	5	8	38	38
	Cử nhân										
	*Trình độ tin học										
	Trình độ A	15	36	36	94	94	96	107	111	125	129
	Trình độ B	6	5	5	5	5	5	5	8	32	32
	Trình độ cử nhân										

Phụ lục 3

BÁO CÁO THỐNG KÊ SỐ LIỆU LIÊN QUAN ĐẾN ĐÀO TẠO NGHỀ CỦA TỈNH TÂY NINH THỜI KỲ 2011-2020.

STT	Chỉ tiêu	Kết quả đạt được qua các năm									
		2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020
1	Số lượng học sinh tốt nghiệp THPT của địa phương	7.307	7.676	7.085	7.541	7.074	6.197	7.344	8.264	7.803	7.954
2	Số lượng tuyển sinh	10.193	13.182	11.826	12.426	10.561	10.550	10.346	11.966	12.390	11.565
2.1	Hệ cao đẳng	0	0	0	285	293	348	291	305	495	300
2.2	Hệ trung cấp	2.016	1.893	1.494	1.456	1.460	1.268	1.862	1.810	2.338	2.150
	Trong đó, số lao động đào tạo nghề đạt trình độ quốc gia, khu vực ASEAN và quốc tế										
2.3	Hệ sơ cấp và đào tạo nghề dưới 3 tháng	8.177	11.289	10.332	10.685	8.808	8.934	8.193	9.851	9.557	9.115
3	Tổng số lao động của địa phương	648.835	657.759	667.160	676.850	686.230	694.930	703.330	711.330	718.830	725.800
4	Tổng số lao động của địa phương qua đào tạo nghề	311.440	338.745	382.678	387.935	411.738	433.010	450.271	471.469	488.804	508.060